

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST
Ngày: 11-5-2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Chiến;

Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Hồng Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLKDTM-ST ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXKDTM-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP AB (AB Bank)**; địa chỉ: 170 Hai Bà Trưng, phường ĐK, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật là ông Vũ Văn T- Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Mạnh Q, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc theo văn bản ủy quyền số 08/UQ-HĐQT.15 ngày 10/7/2015 của Chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng TMCP AB. Ông Nguyễn Mạnh

Q ủy quyền lại cho bà Kim Cẩm T – sinh năm 1988; địa chỉ 41 đường TC, khu phố NL, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh theo văn bản ủy quyền số 569/UQ-TGD.17 ngày 15/11/2017.(có mặt)

Bị đơn: Bà **Trần Thu G** - sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 10, ấp TB, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2017 của ngân hàng TMCP AB cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Kim Cẩm T là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP AB (ngân hàng AB) và bà Trần Thu G ký hợp đồng tín dụng số 0594/16/TD/.I.19 ngày 24/02/2016, theo đó Ngân hàng AB cho bà G vay các nội dung như sau: hạn mức vay tín dụng: 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng; mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh phế liệu; lãi suất cho vay là 8,5%/ năm trong 06 tháng đầu, sau đó lãi suất sẽ thay đổi định kỳ 03/lần theo chính sách của ngân hàng AB; lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay là 12 tháng.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ vay vốn theo hợp đồng trên bà G đã ký hợp đồng thế chấp như sau: hợp đồng thế chấp số 0594/16/TD/.I.19 ngày 24/02/2017 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Tây Ninh và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Thành ngày 24/02/2016. Giá trị tài sản bảo đảm cho khoản vay là 4.083.000.000 đồng.

Sau đó Ngân hàng AB đã giải ngân toàn bộ số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng theo giấy nhận nợ số 0594/16/TD/.I.19 ngày 24/02/2016.

Đến nay đã quá hạn, nhưng bà G không trả nợ cho ngân hàng như thỏa thuận. Tính đến ngày 04/10/2017, bà G còn nợ ngân hàng AB tổng số tiền là 3.345.289.440 (ba tỷ, ba trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi) đồng. Trong đó nợ gốc là 2.999.999.869 đồng; lãi quá hạn 345.289.572 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà G cố tình trốn tránh, không trả nợ cho ngân hàng số tiền trên. Đến xét xử sơ thẩm (ngày 11-5-2018), bà G còn nợ ngân hàng AB số tiền nợ gốc 2.999.999.735 đồng, lãi trong hạn chưa thu 28.389.582 đồng, lãi quá hạn 656.814.552 đồng. Tổng cộng là 3.685.203.869 đồng.

Nay ngân hàng AB yêu cầu bà Trần Thu G thanh toán cho ngân hàng AB tổng số tiền 3.685.203.869 đồng và yêu cầu bà G tiếp tục chịu lãi quá hạn cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Bị đơn bà Trần Thu G đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự, nhưng bà G vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong hồ sơ.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thu G có nghĩa vụ trả cho ngân hàng TMCP AB số tiền gồm: nợ gốc 2.999.999.735 đồng, lãi trong hạn chưa thu 28.389.582 đồng, lãi quá hạn 656.814.552 đồng tính đến ngày xét xử, tổng cộng là 3.685.203.869 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo từ sau ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP AB thì vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân và tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập để giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa nhưng bà Trần Thu G vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản

3 điều 192 bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì trường hợp này thì được coi là bà G cố tình giấu địa chỉ và tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà G theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án hợp đồng tín dụng số 0594/16/TD/.I.19 ngày 24/02/2016 và hợp đồng thế chấp số 0594/16/TD/.I.19 ngày 24/02/2016 với nội dung như nguyên đơn đã trình bày. Trong hồ sơ vay vốn có hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và giấy nhận nợ có thể hiện chữ ký của bà Trần Thu G cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo như giấy Chứng minh nhân dân, Hộ khẩu gia đình, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bà G và giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hộ Thu G. Do đó, đây là giao dịch hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Nhưng sau khi vay, bà G không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp, đã vi phạm về thời hạn và nghĩa vụ trả nợ nên ngày 15/11/2017 ngân hàng TMCP AB khởi kiện yêu cầu bà G trả số nợ trên.

[3.1] Theo bản kê tình hình giao dịch tiền vay của ngân hàng đối với bà Trần Thu G thể hiện số tiền bà G còn nợ ngân hàng tính đến ngày 11/5/2018 như sau: nợ gốc 2.999.999.735 đồng, lãi trong hạn chưa thu 28.389.582 đồng, lãi quá hạn 656.814.552 đồng. Tổng cộng là 3.685.203.869 đồng.

[3.2] Giao dịch giữa ngân hàng TMCP AB với bà Trần Thu G là giao dịch đảm bảo, tài sản thế chấp đảm bảo cho các khoản vay gồm:

- Thửa đất số 678, tờ bản đồ số 14, diện tích 37637 m², tọa lạc tại ấp Bến Cù, xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 769269, số vào sổ cấp GCN: 1716/005507.CL.VP được UBND huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21/10/2013 do Trần Thu G đứng tên;

- Thửa đất số 672, tờ bản đồ 14, diện tích 50.000 m², tọa lạc tại ấp Bến Cù, xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 769270, số vào sổ cấp GCN: 1717/005507.CL.VP được UBND huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21/10/2013 do Trần Thu G đứng tên theo hợp đồng thế chấp số 0594/16/TD/.I.19 ngày 24/02/2016 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Tây Ninh và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Thành ngày 24/02/2016. Tổng giá trị tài sản bảo đảm là 4.031.000.000 (bốn tỷ không trăm ba mươi một triệu) đồng. Do đó, nếu bà G

không tự nguyện trả nợ cho ngân hàng theo yêu cầu thì đây là tài sản dùng để bảo đảm việc trả nợ của bà G cho ngân hàng.

[3.3] Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho bà G các văn bản, thông báo, quyết định cho bà G biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng với các tài liệu chứng cứ chứng minh nhưng bà G không đến Tòa, cũng không có ý kiến cũng như không phản đối những yêu cầu và tài liệu, chứng cứ của ngân hàng. Theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì bà G đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ vào các Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 463, 465, 468 của Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thu G phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm trên số tiền nợ phải trả là 72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tranh chấp vượt 2.000.000.000 đồng, tức là 72.000.000 đồng + 33.704.077 đồng = 105.704.077 đồng.

Ngân hàng TMCP AB không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 463, 465, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức Tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức Tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Án lệ số 08/2016/AL về việc hướng dẫn thời gian tính lãi suất đối với hợp đồng tín dụng.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP AB về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Trần Thu G.

Buộc bà Trần Thu G phải trả cho ngân hàng TMCP AB số tiền nợ tổng cộng là 3.685.203.869 (ba tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm lẻ ba nghìn, tám trăm sáu mươi chín) đồng, trong đó nợ gốc là 2.999.999.735 đồng, lãi trong hạn chưa thu 28.389.582 đồng, lãi quá hạn 656.814.552 đồng.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Trần Thu G không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP AB có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là:

- Thửa đất số 678, tờ bản đồ số 14, diện tích 37637 m², tọa lạc tại ấp Bến Cừ, xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 769269, sổ vào sổ cấp GCN: 1716/005507.CL.VP được UBND huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21/10/2013 do Trần Thu G đứng tên và Thửa đất số 672, tờ bản đồ 14, diện tích 50.000 m², tọa lạc tại ấp Bến Cừ, xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 769270, sổ vào sổ cấp GCN: 1717/005507.CL.VP được UBND huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21/10/2013 do Trần Thu G đứng tên theo hợp đồng thế chấp số 0594/16/TD/.I.19 ngày 24/02/2016, để thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11-5-2018), bà G vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà G vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bà Trần Thu G phải chịu tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 105.704.077 (một trăm lẻ năm triệu, bảy trăm lẻ bốn nghìn, không trăm bảy mươi bảy) đồng.

Hoàn trả cho ngân hàng TMCP AB số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 49.453.00 đồng, theo biên lai thu số 0018647 ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND H. CT;
- THADS H.CT;
- Các đương sự
- hồ sơ vụ án
- Lưu TA.

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Hùng